

Bản án số: 30/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 07 - 8 - 2020

V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Phiếu.

2. Ông Tạ Khắc Nghĩa.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 07/8/2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân dân huyện N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 65/2020/TLST-HNGĐ ngày 21/02/2020 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/6/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2020/QĐST ngày 08/7/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Đào Văn H, sinh năm 1983.

Tên gọi khác: Không.

Địa chỉ: Thôn 3, xã G, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

(Anh H có mặt tại phiên tòa).

2. Bị đơn: Chị Bùi Thị D, sinh năm 1983.

Tên gọi khác: Không.

Địa chỉ: Thôn 3, xã G, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

(Chị D vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 21/02/2020 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện N cũng như tại phiên tòa nguyên đơn anh Đào Văn H trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ngày 17/01/2017 anh đăng ký kết hôn với chị Bùi Thị D tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện N, tỉnh Ninh Bình trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng anh sinh sống cùng mẹ anh ở thôn 3, xã G. Từ khi kết hôn cuộc sống vợ chồng anh chỉ hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Nguyên nhân chính dẫn tới mâu thuẫn vợ chồng anh là do trước khi kết hôn vợ chồng tìm hiểu không kỹ nên khi về chung sống thì bất đồng quan điểm. Do vậy, đến ngày 03/3/2017 chỉ sau hơn 01 tháng chung sống chị D đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ cũng ở thôn 3, xã G, huyện N sinh sống. Mặc dù, anh H đã nhiều lần đến bảo chị D về nhưng chị D cương quyết không về. Từ đó vợ chồng anh sống ly thân không ai quan tâm tới ai nữa. Nay anh H nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự sâu sắc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh H đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Bùi Thị D.

2. Về con chung: Anh H xác định vợ chồng anh không có con chung, bản thân chị D hiện nay cũng không có thai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, công nợ chung, quyền sử dụng đất canh tác chung: Anh H xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với chị Bùi Thị D: Mặc dù đã biết việc Tòa án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết vụ án về việc anh Đào Văn H xin ly hôn với chị, nhưng chị D vẫn không gửi văn bản trả lời thông báo thụ lý vụ án đến Tòa án và cũng không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

Tại phiên tòa hôm nay: Anh H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên:

* Về thủ tục tố tụng:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng đầy đủ các quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không tham gia đầy đủ các buổi hòa giải. Tại phiên tòa chị D vắng mặt lần 2 không có lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định tại các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Về nội dung giải quyết vụ án:

Căn cứ: Các điều 5, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTCQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về án phí. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đào Văn H. Xử ly hôn giữa anh Đào Văn H với chị Bùi Thị D.

2. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Đào Văn H phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng, được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí anh H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Theo xác định của Ủy ban nhân dân xã G, huyện N thì thời điểm anh Đào Văn H xin ly hôn với chị Bùi Thị D, chị D vẫn sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ chị D ở thôn 3, xã G, huyện N nên Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình thụ lý vụ án là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3]. Về sự vắng mặt của bị đơn chị Bùi Thị D: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện N đã ra thông báo về việc thụ lý vụ án và gửi thông báo thụ lý vụ án cho chị D theo quy tại Điều 196 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân huyện N đã tiến hành tổng đạt và niêm yết theo đúng quy định của pháp luật. Do vậy, việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho chị D của Tòa án nhân dân huyện N là hợp lệ. Tại phiên tòa chị D vắng mặt Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự là phù hợp.

[2]. Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Anh Đào Văn H và chị Bùi Thị D tự nguyện đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã G, huyện N, tỉnh Ninh Bình cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 17/01/2017 nên hôn nhân giữa anh H và chị D được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng anh H, chị D chỉ hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn dẫn tới vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Nguyên nhân chính dẫn tới mâu thuẫn vợ chồng anh H, chị D là do trước khi kết hôn vợ chồng tìm hiểu không kỹ nên khi về sống chung vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Do đó, ngày 03/3/2017 chỉ sau hơn 01 tháng chung sống chị D đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ cũng ở thôn 3, xã G, huyện N sinh sống. Kể từ đó vợ chồng anh H, chị D chính thức sống ly thân không ai quan tâm đến ai nữa. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh H, chị D đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, yêu cầu của

nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2]. Về con chung:

Anh H xác định anh và chị D chưa có con chung, bản thân chị D hiện không có thai nên anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp.

[2.3]. Về tài sản chung, công nợ chung, quyền sử dụng đất canh tác chung: Anh H xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp.

[2.4]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh H phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điều 5; Điều 147; Điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng: - Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử lý hôn giữa anh Đào Văn H và chị Bùi Thị D.

2. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Đào Văn H phải nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được đối trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí anh H đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0000444 ngày 21/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

Án xử công khai sơ thẩm, anh H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Chị D được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh NB;
- VKSND huyện N;
- THADS huyện N;
- UBND xã G;
- Dương sự;
- Lưu./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

ĐÀO THỊ HUỆ